

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ
QUẬN SƠN TRÀ
Số: /TM-YTST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày tháng 6 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
V/v Mua hóa chất sinh hóa của máy COBAS C311
Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2023

Kính gửi: Quý công ty

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà có nhu cầu mua hóa chất sinh hóa của máy COBAS C311 cần để phục vụ chuyên môn sử dụng tại bệnh viện.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà kính mời các Quý công ty khảo sát và báo giá mặt hàng cụ thể như sau: Phụ lục đính kèm.

Thời gian nộp báo giá: Hạn cuối đến ngày 25 tháng 6 năm 2023

Nơi nhận: Khoa Dược - Trung tâm Y tế quận Sơn Trà. Địa chỉ: 1118 Ngô Quyền, An Hải Tây, Sơn Trà, Đà Nẵng.

Thông tin được đăng tải tại trang Web của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà:
<https://benhviensontra.com.vn/vi/>

Hồ sơ báo giá gồm các loại giấy tờ như sau:

- Báo giá do đại diện công ty ký và đóng dấu công ty. Bảng chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc tạo giá.

Bệnh viện rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty để kịp thời mua sắm hàng hóa phục vụ công tác khám chữa bệnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, KD-TTB-VTYT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Đình Hoài

PHỤ LỤC: HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ CHÀO GIÁ

(Đính kèm thư mời chào giá số: /TM-YTST ngày tháng 6 năm 2023 của TTYT quận Sơn Trà)

TT	Tên hàng hoá	Hãng sản xuất (tham khảo)	Thông số kỹ thuật tương đương	ĐVT	Số lượng
1	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol	3183777190 - Roche - Đức	Khoảng đo: 2.20-108 mmol/L (0.101-498 mg/dL)	Hộp	2
2	Bộ thuốc thử đo lường hoạt động của Alanine Transaminase (ALT) trong huyết thanh được ghi nhận trong chẩn đoán tổn thương gan	20764957322- Roche - Đức	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L-alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): ≥ 45 μ kat/L; chất ổn định; chất bảo quản R2 2-Oxoglutarate: 94 mmol/L; NADH: ≥ 1.7 mmol/L; chất phụ gia; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C	Hộp	2
3	Bộ thuốc thử đo lường hoạt động của Aspartate Transaminase (AST) trong huyết thanh được ghi nhận trong chẩn đoán tổn thương gan	20764949322- Roche - Đức	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L-aspartate: 792 mmol/L; MDH (vi sinh): ≥ 24 μ kat/L; LDH (vi sinh): ≥ 48 μ kat/L; albumin(bò): 0.25 %; chất bảo quản R2 NADH: ≥ 1.7 mmol/L; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản. R1 vào vị trí A và R2 vào vị trí B và C.	Hộp	2
4	Hóa chất định lượng GGT	03002721122- Roche - Đức	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 TRIS: 492 mmol/L, pH 8.25; glycylglycine: 492 mmol/L; chất bảo quản; chất phụ gia R2 L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 22.5 mmol/L; acetate: 10 mmol/L, pH 4.5; chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C	Hộp	2

5	Hóa chất định lượng Glucose	04404483190- Roche - Đức	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 Đệm MES: 5.0 mmol/L, pH 6.0; Mg ²⁺ : 24 mmol/L; ATP: ≥ 4.5 mmol/L; NADP: ≥ 7.0 mmol/L; chất bảo quản R2 Đệm HEPES: 200 mmol/L, pH 8.0; Mg ²⁺ : 4 mmol/L; HK (nấm men): ≥ 300 μkat/L; G-6-PDH (E. coli): ≥ 300 μkat/L; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Hộp	2
6	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa NaOH- D	04489241190- Roche - Đức	Thuốc thử chứa NaOH 1 mol/L (khoảng 4%); rửa kim hút thuốc thử và cồng phản ứng, dùng cho máy khí máu điện giải.	Hộp	2
7	Nước rửa buồng phản ứng ECO-D	05422485190- Roche - Đức	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm Chất tẩy Chất tẩy vào vị trí B và C	Hộp	2
8	Hóa chất định lượng Cholesterol	03039773190- Roche - Đức	R1 Đệm PIPES: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 3 %; cholesterol esterase (Pseudomonas spec.): ≥ 25 μkat/L (≥ 1.5 U/mL); cholesterol oxidase (E. coli): ≥ 7.5 μkat/L (≥ 0.45 U/mL); peroxidase (củ cải): ≥ 12.5 μkat/L (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B"	Hộp	2
9	Hóa chất định lượng Triglycerides	20767107322- Roche - Đức	Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 40 mmol/L; natricholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas): ≥ 83 μkat/L; glycerol kinase (Bacillusstearothermophilus): ≥ 3 μkat/L; glycerol phosphate oxidase(E. coli): ≥ 41 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 1.6 μkat/L; chất bảo quản, chất ổn định. R1 vào vị trí B.	Hộp	2

10	Hóa chất định lượng HDL-C	07528566190-Roche - Đức	<p>Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm</p> <p>R1 Đệm TAPSO_b): 62.1 mmol/L, pH 7.77; polyanion: 1.25 g/L; EMSE: 1.08 mmol/L; ascorbate oxidase (đưa chuột): ≥ 50 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 166.7 μkat/L; chất tẩy; BSA: 2.0 g/L; chất bảo quản</p> <p>R2 Đệm Bis-Trisc): 20.1 mmol/L, pH 6.70; cholesterol esterase (vi sinh): ≥ 7.5 μkat/L; cholesterol oxidase (E. coli tái tổ hợp): ≥ 7.17 μkat/L; cholesterol oxidase (vi sinh): ≥ 76.7 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 333 μkat/L; 4-amino-antipyrine: 1.48 mmol/L; BSA: 3.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản</p> <p>b) 2-Hydroxy-N-tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropanesulfonic acid c) Bis(2-hydroxyethyl)iminotris(hydroxymethyl)methane</p> <p>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.</p>	Hộp	2
11	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	05589061190-Roche - Đức	<p>Bộ thuốc thử bao gồm:</p> <p>R1 Acid phosphoric: 85 mmol/L; HEDTA: 4.0 mmol/L; NaCl 50 mmol/L; chất tẩy; pH 1.9</p> <p>R2 3,5 Dichlorophenyl diazonium: 1.5 mmol/L; pH 1.3</p> <p>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.</p>	Hộp	1
12	Hóa chất thử định lượng Bilirubin toàn phần	05795397190-Roche - Đức	<p>Bộ thuốc thử bao gồm:</p> <p>- R1 Phosphate: 50 mmol/L; chất tẩy</p> <p>- R2 Muối 3,5 dichlorophenyl diazonium: ≥ 1,35 mmol/L</p> <p>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.</p>	Hộp	1
13	Hóa chất định lượng Calci	05061482190-Roche - Đức	<p>Bộ thuốc thử bao gồm:</p> <p>R1 CAPSO: a 557 mmol/L; NM-BAPTA: 2 mmol/L; pH 10.0; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; chất bảo quản</p> <p>R2 EDTA: 7.5 mmol/L; pH 7.3; chất hoạt động bề mặt không phản ứng, chất bảo quản</p> <p>a) 3-[cyclohexylamino]-2-hydroxy-1-propanesulfonic acid</p> <p>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.</p>	Hộp	1

14	Hóa chất định lượng Acid Uric	03183807190-Roche - Đức	<p>Bộ thuốc thử bao gồm:</p> <p>R1 Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí dài) \geq 83.5 μkat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>R3 Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; kali hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone \geq 3 mmol/L; uricase (EC 1.7.3.3; <i>Arthrobacter protophormiae</i>) \geq 83.4 μkat/L (25 °C); peroxidase (POD) (EC 1.11.1.7; củ cải) \geq 50 μkat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.</p>	Hộp	1
----	-------------------------------	-------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----	---

tuannt12-19/06/2023 08:01:57-tuannt12-tuannt12